

# Hiệp định thương mại Việt Nam và Hoa Kỳ qua 20 năm: cơ hội và thách thức cho Việt Nam

Phan Quan Việt  
Nguyễn Tường Huy

Khoa Thương mại và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Văn Lang

Hiệp định thương mại Việt Nam- Hoa kỳ chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2001 mở ra bước đi đầu trong quan hệ kinh tế thương mại giữa hai quốc gia. Sau hai năm hiệp định có hiệu lực thực thi, kim ngạch nhập khẩu đã tăng lên con số 5-6 tỷ USD. Thặng dư thương mại với Mỹ ;iên tục tăng đều trong các năm. Sau 20 năm bình thương hóa quan hệ, hiện nay Việt nam là đối tác xếp thứ 12 về xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ và xếp thứ 27 về nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ thị trường này (tính đến tháng 12/2016). Mặc dù Hoa kỳ rút khỏi TPP, nhưng hiện nay, Hoa kỳ vẫn đang là bạn hàng lớn của Việt Nam và doanh nghiệp Việt cũng đang đón nhận những thách thức cũng như cơ hội từ thị trường lớn này.

## 1. Những nội dung chủ yếu của Hiệp định

Hiệp Định thương mại Việt Mỹ được ký kết ngày 13/7/2000 là một sự kiện đánh dấu bước phát triển tích cực của mối quan hệ song phương kể từ ngày hai quốc gia lập quan hệ ngoại giao. Hiệp định dài gần 120 trang, gồm 7 chương với 72 điều và 9 phụ lục, đề cập đến 4 nội dung chủ yếu: Thương mại hàng hoá, Thương mại dịch vụ, Sở hữu trí tuệ và Quan hệ đầu tư. Như vậy có nghĩa là bản Hiệp định này tuy được gọi là Hiệp định về quan hệ thương mại nhưng không chỉ đề cập đến lĩnh vực thương mại hàng hoá. Khái niệm “thương mại” ở đây được đề cập theo ý nghĩa rộng, hiện đại, theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và có tính đến đặc điểm kinh tế của mỗi nước để quy định sự khác nhau về khung thời gian thực thi các điều khoản. Do Mỹ đã tuân thủ tất cả các luật lệ của WTO và là một trong những nước tự do hoá thương mại nhất trên thế giới nên hầu như tất cả các điều khoản trong Hiệp định, Mỹ đều thực hiện ngay. Còn Việt Nam là nước đang phát triển ở trình độ thấp và đang chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường, nên kèm theo bản Hiệp định là 9 bản phụ lục có quy định các lộ trình thực hiện cho phù hợp với Việt Nam. Hiệp định được xây dựng trên hai khái niệm quan trọng. Khái niệm “Tối huệ quốc” (đồng nghĩa với Quan hệ Thương mại bình thường) mang ý nghĩa hai bên cam kết đối xử với hàng hoá, dịch vụ, đầu tư của nước kia không kém phần thuận lợi so với cách đối xử với hàng hoá, dịch vụ, đầu tư của nước thứ ba (đương nhiên không kể đến các nước nằm trong Liên minh thuế quan hoặc Khu vực mậu dịch tự do mà hai bên tham gia, ví dụ Mỹ sẽ không được hưởng những ưu đãi của ta dành cho các nước tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và ta cũng không được hưởng tất cả các ưu đãi Mỹ dành

cho các nước khác trong Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Còn khái niệm “Đối xử quốc gia” thì nâng mức này lên như đối xử với các công ty trong nước. Hai khái niệm này quan trọng vì chúng được đề cập đến ở hầu hết các chương của bản Hiệp định. Ngoài ra, các phụ lục được dùng để liệt kê các trường hợp loại trừ, chưa hoặc vĩnh viễn không áp dụng hai khái niệm trên. Sau đây chúng ta chỉ nêu bật hai nội dung chủ yếu là thương mại và đầu tư của Hiệp định:

### 1.1. Thương mại hàng hoá

Những quyền về thương mại: Cả hai bên cam kết thực hiện những quyền thương mại theo chuẩn mực quốc tế và WTO. Tuy nhiên, đây là lần đầu Việt Nam đồng ý thực hiện quyền về xuất nhập khẩu một cách cởi mở, tuân theo những quy định chặt chẽ của WTO. Do vậy, những quyền đối với các doanh nghiệp Việt Nam, các công ty do Mỹ đầu tư, và tất cả các cá nhân và công ty Mỹ hoạt động tại Việt Nam theo Hiệp định này sẽ được tiến hành trong từng giai đoạn từ 3- 6 năm (được áp dụng dài hơn đối với một số mặt hàng nhạy cảm).

Quy chế tối huệ quốc: Việt Nam và Mỹ cam kết thực hiện đối xử thuế quan tối huệ quốc đối với tất cả các mặt hàng nhập khẩu vào mỗi nước (mức thuế quan này là 50% đối với các quốc gia không nhận được MFN).

Cắt giảm thuế quan: Việt Nam đồng ý cắt giảm thuế quan (mức cắt giảm điển hình là từ 1/3 đến 1/2) đối với một loạt các sản phẩm được các nhà xuất khẩu Mỹ quan tâm như các sản phẩm vệ sinh, phim, máy điều hoà nhiệt độ, tủ lạnh, xe gắn máy, điện thoại di động, video games, thịt cừu, bơ, khoai tây, cà chua, hành, tỏi, các loại rau xanh khác, nho, táo và các loại hoa quả tươi khác, bột mì, đậu tương, dầu thực vật, thịt và cá đã được chế biến, các loại nước hoa quả...Việc cắt giảm



thuế quan các mặt hàng này được áp dụng dần dần trong giai đoạn 3 năm. Phía Mỹ thực hiện cắt giảm ngay theo quy định của Hiệp định song phương.

**Cấp giấy phép nhập khẩu:** Việt Nam sẽ loại bỏ tất cả các thủ tục cấp giấy phép một cách tùy ý, và sẽ tuân thủ theo các quy định của Hiệp định WTO. Về việc định giá trị đánh thuế hải quan và các khoản phí hải quan, Việt Nam cần tuân thủ các luật lệ của WTO đối với việc định giá các giao dịch và định giá thuế hải quan, cũng như hạn chế các khoản phí hải quan đánh vào các dịch vụ được thanh toán trong vòng 2 năm. Về phía Mỹ, theo Luật Thương mại Mỹ, các công ty của Việt Nam và các nước khác đều sẽ được cấp giấy phép hoạt động khi có yêu cầu.

**Doanh nghiệp nhà nước:** Cần phải được thực thi theo các quy định của WTO (ví dụ, các doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam trước kia chỉ tiến hành các cuộc giao dịch theo những mối quan tâm về thương mại và còn ít quan tâm tới các quy định của WTO).

## 1.2. Quan hệ đầu tư

**Các cam kết chung bao gồm:** Các hoạt động đầu tư của mỗi nước đều được nước đối tác cam kết bảo hộ, Việt Nam đảm bảo việc bảo hộ các công ty Mỹ không bị sung công các khoản đầu tư của họ tại Việt Nam. **Các chuyển khoản tài chính:** Cho phép đối tác Mỹ được đem về nước các khoản lợi nhuận và các chuyển khoản tài chính khác trên cơ sở lãi ngọ quốc gia. **Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs):** Phía Mỹ cam kết thực hiện ngay từ đầu, Việt Nam sẽ huỷ bỏ dần các TRIMs không phù hợp với các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại của WTO trong 5 năm như những quy định về tỷ lệ số lượng hoặc giá trị sản xuất trong nước.

**Đối xử quốc gia:** Việt Nam cam kết thực hiện chế độ Đối xử quốc gia với một số ngoại lệ. Việc thẩm tra giám sát đầu tư sẽ được dần huỷ bỏ hoàn toàn đối với hầu hết các khu vực trong giai đoạn 2, 6 hoặc 9 năm (tùy thuộc vào loại khu vực đầu tư, ví dụ, đầu tư trong các Khu Công nghiệp hay trong khu vực sản xuất), tuy nhiên Việt Nam duy trì quyền áp dụng thẩm tra giám sát trong những khu vực ngoại lệ nhất định. Loại bỏ việc giới hạn đóng góp vốn trong các liên doanh: Quy định hiện nay đối với phần góp vốn phía Mỹ trong các công ty liên doanh ít nhất phải 30% vốn pháp định; loại bỏ những quy định bán cổ phần phía Mỹ trong liên doanh cho đối tác Việt Nam. Phía Mỹ chưa được thành lập công ty cổ phần và chưa được phát hành cổ phiếu ra công chúng, chưa được mua quá 30% vốn của một công ty cổ phần. Những ràng buộc này sẽ duy trì trong vòng 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực.

Pièce Việt Nam cũng cam kết ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực sẽ loại bỏ dần tất cả các đối xử không công bằng về giá đối với các công ty và các cá nhân Mỹ như phí lắp đặt điện thoại và các dịch vụ viễn thông khác, các phí vận tải, thuê mượn nhà xưởng,

trang thiết bị, giá nước và dịch vụ du lịch. Trong vòng 2 năm sẽ bỏ chế độ hai giá đối với đăng ký ô tô, giá dịch vụ cảng và giá đăng ký điện thoại. Trong vòng 4 năm sẽ bỏ hẳn chế độ hai giá đối với mọi hàng hoá và dịch vụ kể cả giá điện hay vé máy bay.

## 2. Kết quả về quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ qua 20 năm

Hiệp định thương mại Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2001 mở ra một trang mới trong quan hệ kinh tế thương mại giữa hai quốc gia. Từ con số gần 1 tỷ USD năm 1995 đến khi hiệp định có hiệu lực từ sau hai năm kim ngạch nhập khẩu đã tăng lên con số 5-6 tỷ USD. Thặng dư thương mại với Mỹ liên tục tăng trong các năm. Theo số liệu mới nhất, Việt Nam đã xuất siêu gần 33 tỷ USD sang quốc gia này trong 11 tháng năm 2016, trong khi nhập khẩu trở lại là 8 tỷ USD.

Theo Tổng cục Hải quan, Hoa Kỳ trở thành một trong những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam chiếm 21% tổng giá trị xuất khẩu năm 2016. Ngược lại, khoảng 5% giá trị nhập khẩu của Việt Nam năm 2016 xuất phát từ thị trường này.

Hoa Kỳ cũng là thị trường mà nhiều mặt hàng Việt Nam có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD như dệt may, giày dép và sản phẩm từ gỗ, thủy sản, hạt điều cũng là những mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao sang thị Hoa Kỳ trong năm 2016. Trong số các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ, dệt may và thủy hải sản là những sản phẩm nổi bật, vì từ năm 2007 Mỹ chính thức xóa bỏ hạn ngạch nhập khẩu dệt may của Việt Nam, đây là cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

Đầu tư nước ngoài của Mỹ vào Việt Nam hiện nay duy trì ở mức 12 tỷ USD với khoảng 900 dự án đang hoạt động. Thực tế rất nhiều các công ty đa quốc gia của Mỹ đầu tư vào Việt Nam qua các chi nhánh ở nước ngoài do đó con số 12 tỷ USD này chưa thật sự phản ánh chính xác tổng giá trị đầu tư của các doanh nghiệp Mỹ vào Việt Nam. Trong dòng vốn FDI của Mỹ vào Việt Nam đặc biệt năm 2009 đạt giá trị kỷ lục 15 tỷ USD với gần 500 dự án. Các năm 2001 đến năm 2015 duy trì ở mức 11 tỷ USD.

## 3. Cơ hội và thách thức cho Việt Nam

### 3.1. Những cơ hội cho Việt Nam trong việc xây dựng chính sách

Có thể nói, việc thực thi Hiệp định Thương mại song phương giúp Việt Nam có điều kiện để rèn luyện khả năng tự điều chỉnh và thích ứng của mình, điều này tạo ra những thuận lợi cơ bản cho việc xây dựng năng lực làm việc trong cơ chế kinh tế thị trường. Những kết quả này thật khó lường hóa nhưng rõ ràng thông qua việc đàm phán, ký kết và thực thi hiệp định, kể cả việc theo đuổi và giải quyết các vụ tranh chấp về cá tra, cá ba-sa và hiện nay là vụ tranh chấp về tôm với



phía Hoa Kỳ, Việt Nam được rèn luyện, cọ xát với những thực tiễn sinh động của thương mại quốc tế, rút ra được các bài học và chuẩn bị những hành trang cần thiết để giải quyết tốt hơn các mối quan hệ kinh tế, thương mại với nước ngoài, xử lý tốt hơn tranh chấp thương mại có thể xảy ra trong tương lai. Những bài học từ việc đàm phán, ký kết và phê chuẩn Hiệp định Thương mại Việt Nam — Hoa Kỳ là bài học tốt cho các nhà đàm phán Việt Nam khi tham gia đàm phán ký kết các Hiệp định Thương mại song phương và đa phương khác, đặc biệt là đàm phán gia nhập WTO. Có thể nói ngay khi tham gia đàm phán ký kết Hiệp định Thương mại Việt Nam — Hoa Kỳ, các nhà đàm phán và Chính phủ Việt Nam đã có điều kiện để học tập và rèn luyện các kỹ năng để đàm phán thành công.

**3.2. Những thách thức đối với phát triển thương mại và thu hút FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam**

Áp đặt thuế chống phá giá, rào cản thương mại mới đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam: Những phán quyết thiếu khách quan và công bằng của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) và Ủy Ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ đối với cá tra và cá ba-sa xuất khẩu của Việt Nam và việc áp dụng thuế chống bán phá giá đối với cá tra và ba-sa xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua đã gây ra những khó khăn lớn cho xuất khẩu các sản phẩm này của Việt Nam sang Hoa Kỳ, làm cho mức xuất khẩu giảm nhiều so với thời gian trước. Đó là chưa kể tới vụ kiện bán phá giá tôm của Liên minh tôm miền Nam Hoa Kỳ (SSA) đối với 6 nước xuất khẩu tôm vào Hoa Kỳ trong đó có Việt Nam ngày 31-12-2003... Mới đây, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã quyết định tôm Việt Nam sẽ chịu mức thuế 4,1 — 25,8% (so với phán quyết trước đây của ITC là 14,9 — 93%). Đây thực sự vẫn còn là một trong những thách thức mới đối với xuất khẩu tôm, một sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Hiệp định dệt may Việt Nam — Hoa Kỳ và việc áp dụng hạn ngạch đối với hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam: Ngoài việc áp thuế chống phá giá, phía Hoa Kỳ còn áp dụng hạn ngạch đối với xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam vào Hoa Kỳ và cũng tạo ra những thách thức mới cho Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường này.

Các rào cản kỹ thuật khác: Bao gồm việc Hoa Kỳ áp dụng Luật chống khủng bố sinh học, trong đó yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh chế biến thực phẩm phải đăng ký với Cơ quan dược và thực phẩm Hoa Kỳ (FDA) sẽ gây khó khăn lớn hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu. Hơn nữa, việc Hoa Kỳ ký kết Hiệp định Khu vực Thương mại tự do (FTA) với các nước đã tạo ra những ưu đãi thương mại mới cho các nước có Hiệp định này với Hoa Kỳ, vì vậy xuất khẩu của các nước có FTA với Hoa Kỳ sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn hơn so với hàng xuất khẩu cùng loại của chúng ta. Lợi thế cạnh tranh về thu hút FDI của nước ta kém hơn so với một số nước trong khu vực (các nước có Hiệp định tự do thương mại — FTA với

Hoa Kỳ), nhất là so với Trung Quốc.

**4. Một số đề xuất mang tính khuyến nghị**

Về phía nhà nước và chính phủ Việt nam cần ban hành mới và chỉnh sửa các luật hiện có để tạo sự thống nhất giữa luật và các văn bản dưới luật, phù hợp với hệ thống luật quốc tế và những cam kết trong Hiệp định Thương mại Việt Nam — Hoa Kỳ nhằm tạo môi trường pháp lý ổn định, minh bạch, tạo thuận lợi và giúp các doanh nghiệp cả Việt Nam và các doanh nghiệp Hoa Kỳ có nhiều cơ hội hợp tác thương mại và đầu tư giữa hai nước. Nhà nước luôn tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp Việt nam chủ động liên doanh, liên kết và tích cực xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các doanh nghiệp Hoa Kỳ nhằm đẩy mạnh xuất khẩu và thu hút FDI từ phía Hoa kỳ.

Về phía các doanh nghiệp Việt Nam luôn chủ động sẵn sàng các hành trang cần thiết để ứng phó với tranh chấp thương mại đã và sẽ xảy ra trong tương lai. Các doanh nghiệp Việt phải học cách thích nghi với thực tiễn tranh chấp thương mại quốc tế, và xem đó là hiện tượng bình thường khi có trách chấp xảy ra.

Với các doanh nghiệp, điều quan trọng là phải tự trang bị cho mình năng lực hoạt động hiệu quả trong môi trường kinh doanh quốc tế. Doanh nghiệp cần bắt đầu bằng việc xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh trong điều kiện kinh doanh mới. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thì việc thực hiện một chiến lược xây dựng thương hiệu và marketing xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là điều phải tính đến trước tiên.

Điều quan tâm hiện nay là doanh nghiệp Việt nam phải xây dựng cho mình một chiến lược xây dựng thương hiệu cho sản phẩm của mình. Đó là yếu tố sống còn của doanh Việt Nam và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong kinh doanh quốc tế. Xây dựng được thương hiệu nổi tiếng góp phần tạo dựng uy tín doanh nghiệp, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu của hàng hóa và doanh nghiệp Việt Nam./.

**Tài liệu tham khảo**

- Trung tâm thông tin WTO (VCCI) Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa kỳ về quan hệ thương mại;
- Vũ Thị Thu Huyền, Quan hệ thương mại Việt nam và Hoa kỳ, thực trạng và giải pháp phát triển, Trường Đại học Ngoại thương, 2003;
- Nguyễn Quốc Khánh, Quan hệ thương mại — Đầu tư Việt Nam-Hoa Kỳ, thực trạng và giải pháp, 2010.